

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 169/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2026
V/v ly hôn Hồng Loan – Đông Hoà

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh
Bà Hồ Thị Kim Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2026/TLST - HNGĐ ngày 01/6/2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1978.

Số căn cước 089178025113

Nơi cư trú: tổ C, ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Võ Đông H, sinh năm 1976.

Số căn cước 089076017526

Nơi cư trú: số A, tổ C, ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

(bà L, ông H có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2026 nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:

Bà L và ông Võ Đông H sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm và được sự đồng ý của gia đình hai bên, tổ chức lễ cưới cho bà L, ông H năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không phù hợp nhau, bà L bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ năm 2020 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đông H.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thành L1, sinh ngày 05/05/2000, và Võ Thành Đ, sinh ngày 05/02/2005. Hai con chung hiện đã trưởng thành và lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Ngày 17/6/2026 bà Lê Thị Hồng L có đơn xin vắng mặt cho đến khi Toà án xét xử xong.

Bị đơn ông Võ Đông H vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2026: Ông H là chồng của bà L, hôn nhân của ông, bà do mai mối rồi thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp nhau, thường xuyên cãi vã, đến năm 2020 thì bà L bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân, nay bà L yêu cầu ly hôn, ông Hòa đồng Ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thành L1, sinh năm 2000 và Võ Thành Đ1, sinh năm 2005 các con chung hiện đã trưởng thành và lao động được. Tài sản chung, nợ chung không có. Ông H yêu cầu vắng mặt cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Tài liệu do Toà án thu thập được: Theo công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã P về cung cấp thông tin đăng ký kết hôn của ông Võ Đông H và bà Lê Thị Hồng L. Qua tra cứu sổ bộ kết hôn lưu tại UBND xã P không tìm thấy thông tin của bà Lê Thị Hồng L đăng ký kết hôn với ông Võ Đông H.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà L, bị đơn ông H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự vì thế Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của bà L và ông H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông H, bà L đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ giữa bà L và ông H là vợ chồng.

- Về án phí: bà Lê Thị Hồng L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: bà Lê Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Đông H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: ông H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L, ông H đã được tổng đạt đầy đủ quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông, bà không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông H và bà L chung sống vợ chồng năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Ông H và bà L chung sống vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Võ Đông H, bà Lê Thị Hồng L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai người con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 05/02/2005 và Võ Thành L1 sinh ngày 05/5/2000, hai con chung đều đã trưởng thành và lao động được

[4] Về tài sản chung: không.

[5] Về nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

[6] Về án phí: bà Lê Thị Hồng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 14; Điều 53 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Hồng L và ông Võ Đông H là vợ chồng.

2.Về con chung: Hai người con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 05/02/2005 và Võ Thành L1, sinh ngày 05/5/2000, hai con chung đều đã trưởng thành và lao động được

3.Về tài sản chung: Không.

4.Về nợ phải thu, phải trả chung: Không.

5.Về án phí: bà Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 307651 ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Hồng L không còn nộp thêm án phí.

Ông Võ Đông H không phải chịu án phí.

Bà L, ông H vắng mặt tại phiên tòa, thời kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS nhân dân Khu Vực 12;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo

